

QUYỂN 21

559. TƯỚNG VÀ GIÁC TRI¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-lợi-phất-đồ-lộ,² Tôn giả A-nan và Tôn giả Ca-ma cũng ở tinh xá Kê Lâm, nước Ba-la-lợi-phất-đồ-lộ.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-ma³ đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng ân cần thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi nói với Tôn giả A-nan:

– Kỳ lạ thay, thưa Tôn giả A-nan! Có mắt và sắc, có tai và âm thanh, có mũi và mùi, có lưỡi và vị, có thân và xúc chạm, có ý và pháp; thế nhưng vị Tỳ-kheo có thể hoặc không thể giác tri⁴ đối với những pháp này. Vậy là thế nào? Thưa Tôn giả A-nan! Tỳ-kheo ấy vì có tướng nên không giác tri hay vì không có tướng nên không thể giác tri?

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-ma:

– Người có tướng cũng không thể giác tri, huống gì là người không có tướng.

Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan:

– Những gì gọi là có tướng, có pháp⁵ nhưng không thể giác tri?

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma:

– Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, an trú hỷ lạc do ly dục sanh, thành tựu và an trú Thiền thứ nhất. Như vậy, vị Tỳ-kheo tuy có tướng, có pháp nhưng không thể giác tri. Cũng như thế, đối với Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ đều thành tựu và an trú. Như vậy, vị Tỳ-kheo tuy có tướng, có pháp nhưng không thể giác tri.

Thế nào gọi là không có tướng, có pháp nhưng không thể giác tri?

¹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.559. 00146b24). Tham chiếu: S. 35.233 - IV. 165; A. 9.37 - IV. 426.

² Ba-la-lợi-phất-đồ-lộ Kê Lâm tinh xá (波羅利弗妬路雞林精舍).

³ Nguyên tác: Ca-ma (迦摩).

⁴ Nguyên tác: Năng bất giác tri (能不覺知).

⁵ Nguyên tác: Ư hữu (於有), đối với sự hữu, tức các pháp. Xem giải thích ở đoạn kinh văn sau.

Như⁶ vị Tỳ-kheo không nghĩ đến hết thấy các tướng, tự thân tác chứng và thành tựu tâm vô tướng tam-muội.⁷ Đó gọi là Tỳ-kheo không có tướng, có pháp nhưng không thể giác tri.

Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan:

– Nếu Tỳ-kheo thành tựu tâm vô tướng tam-muội, không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn gọi đó là quả gì, công đức gì?

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma:

– Nếu Tỳ-kheo thành tựu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn gọi đó là Trí cứu cánh, là Trí công đức.

Bấy giờ, hai vị Chân nhân cùng nhau bàn luận trong hoan hỷ và tùy hỷ rồi mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy cáo từ.

560. BỐN ĐẠO LỘ TU TẬP⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tự mình trình pháp⁹ trước mặt tôi thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét qua bốn đạo lộ tu tập.¹⁰ Những gì là bốn?

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi thiền để trụ tâm bằng những cách như vậy: Khéo trụ tâm, câu thúc để trụ tâm, điều phục tâm, dùng chí, quán¹¹ để nhất tâm, để nhập định,¹² phân biệt và suy lường các pháp; khi đã tu tập và tu tập thuần thục rồi nên sẽ đoạn dứt được các phiền não. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trình

⁶ Nguyên tác: Như thị (如是, *yathā*), được sử dụng trong nhiều nghĩa, nghĩa được dùng ở đây là “như.”

⁷ Xem thêm S. 40.9 - IV. 268: “Thế nào là vô tướng tâm định? Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: ‘Ở đây, Tỳ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định.’ Đây gọi là vô tướng tâm định” (HT. Thích Minh Châu dịch).

⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜 (T.02. 0099.560. 0146c20)*. Tham chiếu: A. 4.170 - II. 156. Giữa bản kinh chữ Hán và bản Pāli có nhiều khác biệt đặc dị.

⁹ Nguyên tác: Ký thuyết (記說, *Byākaraṭi*): Tuyên bố.

¹⁰ Nguyên tác: Hoặc cầu dĩ tứ đạo (或求以四道). Tham chiếu: A. 4.170 - II. 156: *Yo hi koci, āvuso, bhikkhu vā bhikkhunī vā mama santike arahattappattiṃ byākaroti, sabbo so catūhi maggehi, etesaṃ vā aññatarena* (Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả các vị ấy được đầy đủ bốn đạo này, hoặc là một trong bốn đạo này), HT. Thích Minh Châu dịch.

¹¹ Chí, quán (止觀). Theo A. 4.170 - II. 156 là hai pháp hành thiền gồm thiền chí và thiền quán (*samatho ca vipassanā ca*).

¹² Nguyên tác: Đẳng thọ (等受), cũng gọi là “chánh thọ” (正受); “Tam-ma-bát-đề” (三摩鉢底, *samāpatti*): Nhập định, chứng đạt thiền định.

pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó, đây gọi là đạo lộ tu tập thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi thẳng tham thiền, quyết trạch Chánh pháp, giác sát¹³ để trụ tâm: Khéo trụ, câu thúc để trụ, điều phục [tâm], dùng chỉ, quán để nhất tâm, để nhập định. Nhờ chân chánh tu tập và an trụ thuần thực¹⁴ như vậy nên đoạn dứt được các phiền não. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trình pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó, đây gọi là đạo lộ tu tập thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bị chi phối bởi trạo cử và tán loạn¹⁵ nên thực hành thiền tọa để điều phục tâm, ngồi ngay thẳng để trụ tâm: Khéo trụ tâm, câu thúc để trụ tâm, điều phục [tâm], dùng chỉ, quán để nhất tâm, để nhập định rồi chuyển hóa.¹⁶ Nhờ chân chánh tu tập và an trụ thuần thực như vậy nên đoạn dứt được các phiền não. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trình pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó, đây gọi là đạo lộ tu tập thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thực hành hòa hợp cả chỉ và quán. Nhờ chân chánh tu tập và an trụ thuần thực như vậy rồi nên đoạn dứt được các phiền não. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trình pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó, đây gọi là đạo lộ tu tập thứ tư.

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

561. TU PHẠM HẠNH¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la,¹⁸ nước Câu-diêm-di.¹⁹

Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy.

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên, rồi vị ấy hỏi Tôn giả A-nan:

– Vì lý do gì mà Tôn giả đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để tu Phạm hạnh?

¹³ Nguyên tác: Tư lượng (思量, *samanupassati*), giác sát.

¹⁴ Nguyên tác: Chánh hướng đa trụ (正向多住). Chánh hướng (正向): 依真理而修行.

¹⁵ Nguyên tác: Vì trạo loạn sở trì (為掉亂所持). *A*, 4.170 - II. 156: *Dhammuddhaccaviggahitaṃ mānasam hoti* (tâm ý bị nắm giữ bởi pháp trạo cử vi tế).

¹⁶ Nguyên tác: Đẳng thọ hóa (等受化). Đẳng thọ (等受) có nghĩa là nhập định, như đã giải thích trọng chú thích trên. Hóa (化) ở đây có khả năng chỉ cho sự chuyển hóa. Học giả Trang Xuân Giang cho rằng chữ “hóa” (化) bị bỏ sung nhầm, nhưng ngài Ấn Thuận vẫn giữ nguyên trong *Tạp A-hàm kinh luận hội biên*.

¹⁷ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.561. 0147a13). Tham chiếu: S. 51.15 - V. 271.

¹⁸ Cù-sư-la viên (瞿師羅園, Ghositārāma).

¹⁹ Câu-diêm-di (俱睺彌, Kosambī).

Tôn giả A-nan đáp:

– Vì để đoạn trừ!

Bà-la-môn ấy lại hỏi:

– Tôn giả đoạn trừ điều gì?

Tôn giả đáp:

– Đoạn trừ ái!

Lại hỏi:

– Thưa Tôn giả A-nan! Phải nương vào đâu để đoạn được ái?

Tôn giả đáp:

– Nay Bà-la-môn! Phải nương vào ước nguyện²⁰ để đoạn trừ ái.

Lại hỏi:

– Thưa Tôn giả A-nan! Việc này há chẳng phải là không cùng tận sao?²¹

Tôn giả đáp:

– Nay Bà-la-môn! Không phải là không cùng tận. Quả thật là có chỗ tận cùng, chứ không phải không cùng tận.

Lại hỏi:

– Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là chỗ tận cùng, chứ chẳng phải là không cùng tận?

Tôn giả nói:

– Nay Bà-la-môn! Nay tôi hỏi ông, ông hãy tùy ý mà trả lời. Bà-la-môn! Ông nghĩ thế nào, trước đây ông có ước muốn đến tinh xá không?

Bà-la-môn đáp:

– Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan!

– Thế thì, nay Bà-la-môn! Khi đến tinh xá rồi thì ước muốn kia liền dứt phải không?

Đáp:

– Đúng vậy! Thưa Tôn giả A-nan, cả sự hăng hái, tìm cách, suy tính để đến tinh xá nữa.

Tôn giả hỏi:

– Sau khi đến tinh xá rồi thì sự hăng hái, tìm cách, suy tính kia cũng ngừng dứt phải không?

²⁰ Nguyên tác: Dục (欲), tức dục như ý túc trong bốn như ý túc. Tham chiếu: S. 51.15 - V. 271: *Bhikkhu chandasamādhippadhāṇasaṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti* (Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh căn hành), HT. Thích Minh Châu dịch.

²¹ Tham chiếu: S. 51.15 - V. 271: *Evam sante, bho ānanda, santakam hoti no asantakam. Chandeneva chandam pajahissatīti - netam thānam vijjati*. (Sự thế là vậy, thưa Tôn giả Ānanda, thời một công việc liên tục (*santaka*), không có chấm dứt. Lấy dục mà trừ dục, sự kiện như vậy không xảy ra), HT. Thích Minh Châu dịch.

Đáp:

– Thưa, đúng vậy!

Tôn giả A-nan lại nói với Bà-la-môn:

– Cũng vậy, này Bà-la-môn! Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết, Ngài đã giảng về bốn như ý túc,²² dùng con đường trực tiếp²³ để tịnh hóa chúng sanh, diệt trừ khổ não, chấm dứt sầu bi. Bốn như ý túc là những gì? Đó là dục định đoạn hành thành tựu như ý túc,²⁴ tinh tấn định đoạn hành thành tựu như ý túc, tâm định đoạn hành thành tựu như ý túc và tư duy định đoạn hành thành tựu như ý túc.

Như vậy, vị Thánh đệ tử tu tập dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, nương theo xả ly, nương theo vô dục, nương theo giải thoát,²⁵ nương theo tịch diệt, hướng đến xả, cho đến đoạn sạch ái. Khi tham ái đã sạch rồi thì dục định kia cũng dứt. Vị Thánh đệ tử tu tập tinh tấn định đoạn hành thành tựu như ý túc, tu tập tâm định đoạn hành thành tựu như ý túc và tu tập tư duy định đoạn hành thành tựu như ý túc, nương theo xả ly, nương theo vô dục, nương theo giải thoát, nương theo tịch diệt, hướng đến xả, cho đến đoạn sạch ái. Khi tham ái đã sạch rồi thì tinh tấn định, tâm định và tư duy định kia cũng dứt.

Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Đây không phải là chỗ tận cùng sao?

Bà-la-môn thưa:

– Thưa Tôn giả A-nan, đây là chỗ tận cùng, chẳng phải là không cùng tận.

Bà-la-môn nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về.

²² Nguyên tác: Tứ như ý túc (四如意足, *catunnaṃ iddhipādānaṃ*), còn gọi là tứ thần túc (四神足), tứ như ý phân (四如意分). Hành pháp thứ ba sau tứ niệm xứ và tứ chánh căn của 37 đạo phẩm.

²³ Nguyên tác: Nhất thừa đạo (一乘道, *ekāyana magga*). Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.535. 0139a16).

²⁴ Định thức: Dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, tinh tấn định, tâm định, tư duy định đoạn hành thành tựu như ý túc (欲定斷行成就如意足, 精進定, 心定, 思惟定斷行成就如意足) được nhiều bản kinh Hán tạng lược dịch với nhiều cách khác nhau. Tham chiếu Pāli: *Chandasamādhippadhānasāṅkhārasaṃnāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti, vīriyasamādhī... pe... cittasamādhī...* Ở đây, “đoạn” (斷) có thể được dịch từ *padhāna*, nghĩa là nỗ lực. “Hành” (行) được dịch từ *sāṅkhāra*. Chữ *sāṅkhāra* có nhiều nghĩa, và nghĩa trong ngữ cảnh này chỉ cho nền tảng, cơ sở của suy tư, toan tính, tức là hành uẩn (行蘊). *Sāṅkhāra* ở trường hợp này, được Bhikkhu Bodhi dịch là “the basis for spiritual power” nghĩa là “nền tảng để [phát triển] năng lực tâm linh.” Thế nên cú ngữ trên có thể được dịch là: “Thiền định dựa trên sự chuyên chú và nỗ lực của ước muốn, nhờ vậy mà đạt được thân thông; thiền định dựa trên sự chuyên chú và nỗ lực của tinh tấn, nhờ vậy mà đạt được thân thông; thiền định dựa trên sự chuyên chú và nỗ lực của tâm niệm, nhờ vậy mà đạt được thân thông; thiền định dựa trên sự chuyên chú và nỗ lực của tư duy, nhờ vậy mà đạt được thân thông.”

²⁵ Nguyên tác: Xuất yếu (出要, *nissaraṇa*), giải thoát.

562. TRƯỞNG GIẢ CÙ-SU-LA²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di.

Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy.

Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và hỏi:

– Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào gọi là người thuyết pháp vì thế gian? Thế nào gọi là người khéo hướng dẫn²⁷ thế gian? Thế nào gọi là người khéo vượt qua²⁸ thế gian?

Tôn giả A-nan nói với trưởng giả Cù-sư-la:

– Bấy giờ tôi hỏi ông, ông hãy tùy ý mà trả lời. Này trưởng giả! Ý ông nghĩ sao, nếu có người thuyết pháp để điều phục tham dục, điều phục sân hận và điều phục ngu si có được gọi là người thuyết pháp vì thế gian không?

Trưởng giả đáp:

– Thưa Tôn giả A-nan! Nếu có người thuyết pháp khéo điều phục tham dục, sân hận và ngu si, đó gọi là người thuyết pháp vì thế gian.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

– Này trưởng giả! Ý ông nghĩ sao, nếu trong thế gian có người khéo hướng dẫn điều phục tham dục, điều phục sân hận và điều phục ngu si thì đó gọi là người khéo hướng dẫn thế gian phải không? Nếu trong thế gian có người đã điều phục được tham dục, sân hận và ngu si, đó gọi là người khéo vượt qua thế gian phải không? Hay là chẳng phải?

Trưởng giả đáp:

– Thưa Tôn giả A-nan! Nếu người đã điều phục được tham dục, đã đoạn sạch hoàn toàn với sân hận và ngu si cũng đã đoạn sạch hoàn toàn, đó gọi là người khéo vượt qua.

Tôn giả A-nan nói:

– Này trưởng giả! Tôi hỏi thử ông, ông đã chân thật trả lời tôi. Nghĩa lý ấy đúng như vậy, ông hãy thọ trì.

Trưởng giả Cù-sư-la nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi rời đi.

²⁶ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.562. 0147b13). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.490. 0126a07); S. 38.3 - IV. 253.

²⁷ Thế gian chánh hướng (世間正向). S. 38.3 - IV. 252: *Ke loke suppatipannā* (Những ai là những vị khéo thực hành ở đời), HT. Thích Minh Châu dịch.

²⁸ Thế gian thiện đáo (世間善到). *Tạp. 雜* (T.02. 0099.490. 0126a23) ghi là “thế gian thiện thệ” (世間善逝); S. 38.3 - IV. 252: *Ke loke sugatā* (Những ai là những vị khéo đến ở đời), HT. Thích Minh Châu dịch.

563. VÔ ÚY LY-XA²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hâu, nước Tỳ-xá-ly.³⁰

Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy.

Bấy giờ, Vô Úy Ly-xa³¹ là đệ tử của ngoại đạo Ni-kiền³² và đồng tử Thông Minh Ly-xa³³ là đệ tử của A-kỳ-tỳ,³⁴ cả hai cùng đến chỗ Tôn giả A-nan, ân cần chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, Vô Úy Ly-xa nói với Tôn giả A-nan:

– Thầy Ni-kiền tử của tôi đã dứt sạch các pháp nóng bức, được thanh tịnh siêu xuất, dạy cho các đệ tử đạo lý như vậy: “Nhờ thực hành khổ hạnh cho nên những nghiệp ở đời trước nhất định có thể dứt trừ. Thân nghiệp không tạo tác nữa, chặt đứt chiếc cầu phương tiện thì trong đời tương lai sẽ không còn các lậu hoặc, các nghiệp hoàn toàn dứt sạch. Do nghiệp đã dứt sạch hoàn toàn cho nên các khổ cũng vĩnh viễn không còn. Khổ đã vĩnh viễn không còn cho nên giải thoát rốt ráo.” Thưa Tôn giả A-nan! Nghĩa này như thế nào?

Tôn giả A-nan nói với Vô Úy Ly-xa:

– Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói về ba phương pháp xa lìa sự nóng bức, được thanh tịnh siêu xuất, dùng con đường trực tiếp này³⁵ để tịnh hóa chúng sanh, giúp chúng sanh xa lìa lo buồn, vượt qua khổ não, được pháp chân như.

Là ba pháp nào? Nghĩa là vị Thánh đệ tử an trụ trong tịnh giới, lãnh thọ giới pháp,³⁶ oai nghi đầy đủ, tin có tội lỗi mà sanh ý tưởng sợ hãi. Thọ trì tịnh giới đầy đủ như vậy thì những nghiệp cũ dần dần được tiêu trừ, ngay trong hiện đời, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.³⁷ Nay trưởng giả Ly-xa! Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói pháp [thứ nhất] xa lìa sự nóng bức, được

²⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.563. 0147c02). Tham chiếu: A. 3.74 - I. 220.

³⁰ Tỳ-xá-ly (毘舍離, Vesālī).

³¹ Vô Úy Ly-xa (無畏離車, Abhaya Licchavi): Vô Úy, người bộ tộc Ly-xa.

³² Ni-kiền (尼犍, Nigantha).

³³ Thông Minh đồng tử (聰明童子, Paṇḍita Kumāraka): Đồng tử Thông Minh, người bộ tộc Ly-xa.

³⁴ A-kỳ-tỳ (阿耆毘) cũng gọi là “A-kỳ-tỳ-già” (阿耆毘伽). Theo *Phiên dịch danh nghĩa tập* 翻譯名義集 (T.54. 2131.6. 1151a24) là ngoại đạo tà mạng (*Ājivika*). Tuy nhiên, theo *Tap. 雜* (T.02. 0099.573. 0152a24), “A-kỳ-tỳ” (阿耆毘) cũng chỉ cho ngoại đạo lừa hình (*acela*).

³⁵ Nguyên tác: Nhất thừa đạo (一乘道). Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; *Tap. 雜* (T.02. 0099.535. 0139a16).

³⁶ Nguyên tác: Ba-la-đề-mộc-xoa (波羅提木叉).

³⁷ Nguyên tác: Đắc hiện pháp, ly xí nhiên, bất đãi thời tiết, năng đắc Chánh pháp, thông đạt hiện kiến, quán sát trí tuệ tự giác (得現法, 離熾然, 不待時節, 能得正法, 通達現見, 觀察智慧自覺). Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr. 610; *Tap. 雜* (T.02. 0099.550. 0143b18).

thanh tịnh siêu xuất, dùng con đường trực tiếp này để tịnh hóa chúng sanh, giúp chúng sanh xa lìa lo buồn, vượt qua khổ não, được pháp chân như.

Lại nữa, Ly-xa! Với tịnh giới đã đầy đủ như vậy mà lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện... (*cho đến*) chứng đắc và an trú Thiền thứ tư. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói pháp [thứ hai] xa lìa sự nóng bức... (*cho đến*) được pháp chân như.

Lại nhờ có sự chứng đạt thiền định³⁸ nên rõ biết như thật đối với Thánh đế về khổ, rõ biết như thật đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đầy đủ tâm trí tuệ như vậy rồi thì nghiệp mới chẳng tạo, nghiệp cũ dần dần được tiêu trừ, ngay trong hiện đời, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu. Đây trưởng giả Ly-xa! Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói pháp thứ ba xa lìa sự nóng bức, được thanh tịnh siêu xuất, dùng con đường trực tiếp này để tịnh hóa chúng sanh, giúp chúng sanh xa lìa lo buồn, vượt qua khổ não, được pháp chân như.

Bấy giờ, đệ tử của Ni-kiền tử là Vô Úy Ly-xa đứng im lặng không nói gì. Lúc này, đệ tử của A-kỳ-tỳ là Thông Minh Ly-xa nói với Vô Úy Ly-xa rằng:

– Lạ thay, này Vô Úy! Sao ông đứng im lặng như vậy? Đối với giáo pháp mà đấng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bằng sự thấy biết của mình, Ngài khéo giảng thuyết, ông nghe mà không hoan hỷ sao?

Vô Úy Ly-xa đáp:

– Vì tôi đang tư duy đến nghĩa lý ấy, cho nên mới lặng thinh. Có ai nghe Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp mà chẳng hoan hỷ? Nếu người nào nghe Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp mà không khởi tâm hoan hỷ thì đó là người mê muội, sẽ chịu khổ lâu dài, không hợp với lẽ đạo, không được lợi ích.

Lúc đó, đệ tử của Ni-kiền tử là Vô Úy Ly-xa và đệ tử của A-kỳ-tỳ là Thông Minh Ly-xa được nghe lại giáo pháp của Phật từ Tôn giả A-nan xong, họ hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy rời đi.

564. TÔN GIẢ A-NAN GIÁO GIỚI³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy.

³⁸ Nguyên tác: Tam-muội chánh thọ (三昧正受, *samādhi samāpatti*): Chứng nhập thiền định, thành tựu thiền định.

³⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.564. 0148a13). Tham chiếu: A. 4.159 - II. 144.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo-ni khởi tâm nhiếp trước với Tôn giả A-nan, cho nên sai người đến chuyển lời thưa với Tôn giả A-nan:

– Thân con bị bệnh, xin Tôn giả thương xót đến thăm!

Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y, ôm bát đến chỗ ở của Tỳ-kheo-ni kia. Từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, Tỳ-kheo-ni kia liền đến nằm trên giường cố ý để lộ thân thể. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy thân thể của Tỳ-kheo-ni, liền thu nhiếp các căn và đứng quay lưng lại. Tỳ-kheo-ni kia thấy Tôn giả A-nan thu nhiếp các căn và đứng quay lưng lại, liền tự hổ thẹn. Cô đứng lên khoác lại y phục, trải tọa cụ, rồi ra thỉnh Tôn giả A-nan vào. Cô ấy mời Tôn giả ngồi rồi cúi đầu đánh lễ dưới chân, sau đó đứng sang một bên.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền nói pháp cho Tỳ-kheo-ni:

– Này cô! Tâm thân này là do thức ăn uế tạp nuôi lớn, do kiêu mạn nuôi lớn, do ái nuôi lớn, do dâm dục nuôi lớn. Này cô! Nếu thân này nương thức ăn uế tạp thì phải đoạn trừ thức ăn uế tạp, nếu nương nơi kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn, nếu nương nơi ái thì phải đoạn trừ ái dục.

Này cô! Thế nào gọi là nương nơi thức ăn uế tạp thì phải đoạn trừ thức ăn uế tạp? Nghĩa là vị Thánh đệ tử đối với sự ăn uống thì phải luôn tư duy quán tưởng, không khởi tưởng tham đắm, không khởi tưởng kiêu mạn, không khởi tưởng trau chuốt bản thân, không khởi tưởng làm đẹp thân mình, mà thọ dụng thức ăn chỉ vì giữ gìn thân thể, chỉ vì nuôi dưỡng mạng sống, chỉ vì trị bệnh đói khát, chỉ vì để tu tập Phạm hạnh, khiến cho các cảm thọ cũ dứt trừ và các cảm thọ mới không sanh, trưởng dưỡng các hạnh cao thượng; đối với sức khỏe, hoặc sự ưa thích, hoặc sự xúc chạm, đều phải an trú như vậy.

Ví như người thương buôn dùng dầu tô hay dầu nấu đặc để bôi lên xe, người này không có ý tưởng nhiếp trước, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, cũng không có ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì việc chuyên chở.

Lại như người bị chấn thương bôi dầu trị thương và họ không có ý tưởng tham đắm, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, cũng không có ý tưởng làm đẹp mà chỉ muốn trị lành vết thương.

Cũng vậy, vị Thánh đệ tử luôn quán tưởng khi ăn, không khởi niệm tưởng tham đắm, không khởi niệm tưởng kiêu mạn, không khởi niệm tưởng trau chuốt bản thân, không khởi niệm tưởng làm đẹp thân mình mà chỉ vì giữ gìn thân thể, chỉ vì nuôi dưỡng mạng sống, chỉ vì trị bệnh đói khát, vì để tu tập Phạm hạnh, khiến các cảm thọ cũ dứt trừ và các cảm thọ mới không sanh; đối với sức khỏe, hoặc sự ưa thích, hoặc sự xúc chạm không lỗi lầm đều trú trong an ổn. Này cô! Đó gọi là nương nơi thức ăn thì phải đoạn trừ thức ăn.

Nếu thân này nương vào kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn. Thế nào gọi là nương vào kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn? Nghĩa là vị Thánh đệ tử nghe nói Tôn giả kia hoặc đệ tử của Tôn giả kia đã dứt sạch các hữu lậu, được

tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, tự biết rằng: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Vị Thánh đệ tử này nghe rồi liền suy nghĩ: “Vị Thánh đệ tử kia đã dứt sạch các hữu lậu,... (cho đến) tự thân rõ biết không còn thọ thân sau. Còn ta đến nay sao lại chưa trừ sạch các hữu lậu, chưa tự rõ biết không còn thọ thân sau?” Thì ngay lúc ấy, vị Thánh đệ tử này có thể trừ sạch các hữu lậu,... (cho đến) tự mình rõ biết không còn thọ thân sau nữa. Nay cô! Đó gọi là nương kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn.

Này cô! Thế nào gọi là nương ái thì phải đoạn trừ ái? Nghĩa là vị Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hoặc đệ tử của Tôn giả kia đã sạch các pháp hữu lậu,... (cho đến) tự thân rõ biết không còn thọ thân ở đời sau thì liền suy nghĩ: “Chúng ta sao lại chưa đoạn trừ hết các hữu lậu, chưa tự rõ biết không còn thọ thân sau?” Thì ngay lúc ấy, vị Thánh đệ tử này có thể đoạn trừ hết các hữu lậu,... (cho đến) tự mình rõ biết không còn thọ thân sau nữa. Nay cô! Đó gọi là nương ái thì phải đoạn trừ ái.

Này cô! Người không còn tạo nghiệp⁴⁰ là đã đoạn hết dâm dục, phá gãy chiếc cầu phược tiện.

Trong lúc Tôn giả A-nan nói pháp này, Tỳ-kheo-ni ấy liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Vị Tỳ-kheo-ni ấy thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi, vị Tỳ-kheo-ni ấy đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan và thưa:

– Con nay xin phát lộ sám hối. Vì ngu si, mê muội mà con đã làm điều xấu xa như thế. Nay con đối trước Tôn giả A-nan, tự mình thấy lỗi, tự biết có tội, nguyện phát lộ sám hối, mong Tôn giả thương xót!

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni:

– Nay cô đã chân thật tự mình thấy tội, tự biết mình có tội vì si mê, không tốt, tự biết mình đã tạo tội xấu xa. Cô đã tự biết, tự thấy và ăn năn sám hối rồi thì ở đời vị lai sẽ được đầy đủ giới.

Nay tôi nhận sự sám hối của cô, vì thương xót muốn giúp cô tăng trưởng thiện pháp, mãi không sút giảm. Vì sao như vậy? Vì nếu người nào tự mình thấy tội, tự biết có tội, tự biết sám hối thì đời tương lai sẽ được đầy đủ giới, thiện pháp tăng trưởng, mãi không sút giảm.

Tôn giả A-nan vì Tỳ-kheo-ni ấy mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ⁴¹ xong, Tôn giả rời tòa đứng dậy ra về.

⁴⁰ Vô sở hành (無所行): Không còn việc phải làm, tức là không còn tạo nghiệp.

⁴¹ Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (示, 教, 照, 喜). Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; *Tap. 雜* (T.02. 0099.92. 0023c18).

565. THIẾU NIÊN LÀNG BÀ-ĐẦU⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Kiều-trì.⁴³ Ngài cùng với Tôn giả A-nan du hành trong nhân gian rồi đi đến rừng Thân-thứ,⁴⁴ phía Bắc làng Bà-đầu.⁴⁵

Bấy giờ, các thiếu niên tại làng Bà-đầu nghe nói Tôn giả A-nan từ Kiều-trì du hành trong nhân gian, đang ở trong rừng Thân-thứ, phía Bắc làng Bà-đầu, liền rủ nhau cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ Tôn giả rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả A-nan nói với các thiếu niên:

– Này thiếu niên Kiều-trì!⁴⁶ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác nói bốn pháp thanh tịnh, đó là giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tịnh và giải thoát thanh tịnh.

Thế nào là giới thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử an trú nơi giới Ba-la-đề-mộc-xoa, giới tăng trưởng, đầy đủ oai nghi, đối với tội nhỏ nhất đã sanh thì sanh lòng sợ hãi, giữ gìn các giới điều.⁴⁷ Nếu giới thân chưa đầy đủ thì phải khiến cho đầy đủ, nếu đã đầy đủ thì hãy tùy thuận giữ gìn, mong cầu, tinh tấn, nỗ lực siêu xuất, siêng năng dũng mãnh, khéo kham nhận các pháp ở thân, tâm thường khéo nhiếp thọ. Đó gọi là giới thanh tịnh.

Này thiếu niên Kiều-trì! Thế nào gọi là tâm thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử ly dục, ly bất thiện pháp,... (cho đến) an trụ đầy đủ Thiền thứ tư. Nếu chánh định nơi thân chưa đầy đủ thì làm cho được đầy đủ, nếu đã đầy đủ thì tùy thuận giữ gìn, mong cầu, tinh tấn,... (cho đến) thường khéo nhiếp thọ. Đó là gọi là tâm thanh tịnh.

Này thiếu niên Kiều-trì! Thế nào gọi là kiến thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử được nghe pháp từ đức Phật⁴⁸ nói. Đối với giáo pháp được đức Phật nói như vậy như vậy, vị ấy thâm nhập như thật chánh quán như vậy như vậy; vị ấy được hoan hỷ, được tùy hỷ như vậy như vậy; có được từ nơi Phật.

Lại nữa, vị Thánh đệ tử tuy không được nghe pháp từ đức Phật nói, nhưng được nghe pháp từ những bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh khác nói. Khi được nghe pháp từ những bậc tôn kính Phạm hạnh nói như vậy như vậy thì vị ấy như vậy như vậy mà thâm nhập quán sát như thật. Nhờ quán sát như vậy như vậy, nên đối với pháp đó, vị ấy được hoan hỷ, tùy hỷ, khởi niềm tin nơi Chánh pháp.

⁴² Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.565. 0148c11). Tham chiếu: A. 4.194 - II. 194.

⁴³ Kiều-trì (橋池, Koliya).

⁴⁴ Thân-thứ lâm (身恕林): Rừng cây Simsapa.

⁴⁵ Bà-đầu (婆頭, Sāpūga).

⁴⁶ Nguyên tác: Đế Chủng (帝種). Theo *DPPN*, những người Koliya, phiên âm là “Kiều-trì” (橋池) tự gọi mình là *Vyagghapajja* (“dấu chân hổ”, đây là tên gọi thành phố của dân Koliya, do thành phố này được xây trên các dấu chân hổ đi). Xem thêm A. 8.54 - IV. 281. Bản dịch gọi các thiếu niên theo tên dân tộc.

⁴⁷ Nguyên tác: Học giới (學戒): Các giới điều.

⁴⁸ Nguyên tác: Đại sư (大師): Bạc Thầy lớn, là Thiên Nhân Sư, một trong 10 tôn hiệu của Phật.

Lại nữa, vị Thánh đệ tử không được nghe pháp từ đức Phật nói, cũng không được nghe pháp từ các bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh nói, chỉ thuận theo người thọ trì đã được nghe pháp từ trước tụng đọc lại. Khi thuận theo người thọ trì đã được nghe pháp từ trước tụng đọc lại như vậy như vậy rồi, vị ấy được thể nhập pháp đó như vậy như vậy,... (cho đến) khởi niềm tin nơi Chánh pháp.

Lại nữa, vị Thánh đệ tử tuy không được nghe pháp từ đức Phật nói, cũng không được nghe pháp từ bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh nói, lại cũng không được nghe pháp từ người thọ trì đã được nghe từ trước tụng đọc lại, nhưng được nghe từ người trước đây đã nghe giảng nói lại cho người. Pháp được nghe từ người trước đây đã nghe và giảng nói lại như vậy như vậy, vị ấy liền như vậy như vậy thể nhập nơi pháp, chánh trí quán sát,... (cho đến) phát khởi niềm tin nơi Chánh pháp.

Lại nữa, Thánh đệ tử tuy không được nghe pháp từ đức Phật nói, cũng không được nghe từ bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh nói, lại cũng không được nghe pháp từ người thọ trì đã được nghe từ trước tụng đọc lại, lại cũng không được nghe từ người trước đây đã nghe và giảng nói lại cho người, nhưng đối với pháp đã được nghe từ trước, vị ấy một mình ở chỗ vắng vẻ tư duy quán sát. Tư duy quán sát như vậy như vậy, vị ấy thể nhập Chánh pháp như vậy như vậy,... (cho đến) phát khởi niềm tin nơi Chánh pháp.

Như vậy, vị ấy được nghe pháp từ người khác, bên trong được chánh tư duy, đó gọi là chánh kiến chưa sanh khởi phải khiến cho sanh khởi, chánh kiến đã sanh khởi thì phải khiến cho tăng trưởng; đó gọi là giới thân chưa tròn đầy thì phải khiến cho tròn đầy, nếu đã tròn đầy thì phải tùy thuận nhiếp thọ, mong cầu, tinh tấn nỗ lực,... (cho đến) luôn luôn gìn giữ. Đó gọi là kiến thanh tịnh.

Này thiếu niên Kiều-tri! Thế nào là giải thoát thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử đối với tâm tham, nên tu tập vô dục để được giải thoát; đối với tâm sân, tâm si, nên tu tập vô dục để được giải thoát. Giải thoát như thế nếu chưa viên mãn thì phải khiến cho viên mãn, nếu đã viên mãn rồi thì hãy tùy thuận giữ gìn, mong cầu, tinh tấn,... (cho đến) phải luôn nhiếp thọ. Đó gọi là giải thoát thanh tịnh.

Khi nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy xong, các thiếu niên làng Bà-đầu hoan hỷ và tùy hỷ, cùng nhau đánh lễ rồi rời đi.

566. TRƯỞNG GIẢ CHẤT-ĐA-LA⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.⁵⁰

⁴⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.566. 0149c28). Tham chiếu: S. 41.5 - IV. 291.

⁵⁰ Am-la lâm (菴羅林, Ambāṭakavana).

Bấy giờ, có trưởng giả Chát-đa-la⁵¹ đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa liền vì trưởng giả Chát-đa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.⁵² Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, các Thượng tọa liền an trú trong tĩnh lặng. Khi ấy, trưởng giả Chát-đa-la liền cúi đầu đánh lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tọa rồi đi đến phòng của Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, đánh lễ Tỳ-kheo này rồi ngồi sang một bên.

Lúc đó, Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

– Có bài kệ như vậy:

Cành xanh, phủ màu trắng,	Cổ xe một trục xoay,
Lìa kiết, quán sát đến,	Đoạn dòng, không buộc lại. ⁵³

– Nay trưởng giả! Bài kệ này có nghĩa gì?

Trưởng giả Chát-đa-la đáp:

– Thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa! Có phải Thế Tôn nói bài kệ này không?

Đáp:

– Đúng vậy!

Trưởng giả Chát-đa-la liền nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:

– Thưa Tôn giả! Hãy im lặng chốc lát, con đang suy nghĩ về nghĩa này.

Im lặng suy nghĩ một lúc xong, trưởng giả Chát-đa-la liền nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:

– Cành xanh nghĩa là giới. Phủ màu trắng là sự giải thoát. Cái trục bánh xe là niệm thân. Xoay nghĩa là sự chuyển động tới lui. Cổ xe là pháp tu chỉ, quán. Lìa kiết, kiết này có ba loại, đó là tham, sân, si. A-la-hán kia đã sạch các lậu, đã tịch diệt, đã liễu tri, đã đoạn tận gốc rễ, giống như chặt đứt cây đa-la thì cây không sanh trưởng trở lại nữa, vị ấy thành tựu pháp bất sanh trong đời tương lai.

Quán sát nghĩa là thấy biết. Đến là chỉ cho người quán sát. Đoạn dòng nghĩa là đoạn dứt dòng ái nhiễm sanh tử. Tỳ-kheo A-la-hán kia các lậu đã dứt sạch, đã tịch diệt, đã liễu tri, đã đoạn tận gốc rễ, giống như chặt đứt cây đa-la thì cây không sanh trưởng trở lại nữa, vị ấy thành tựu pháp bất sanh trong đời vị lai.

Không buộc lại nghĩa là không còn ba sự trói buộc, đó là tham dục trói buộc, sân hận trói buộc và ngu si trói buộc. Tỳ-kheo A-la-hán kia đã sạch các

⁵¹ Chát-đa-la (質多羅, Citta).

⁵² Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (示, 教, 照, 喜). Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tap. 雜 (T.02. 0099.92. 0023c18).

⁵³ Tham chiếu: S. 41.5 - IV. 291: *Nelaṅgo setapacchādo, Ekāro vattatī ratho, Anīghaṃ passa āyatam, Chinnasotam abandhananti*. (Bộ phận được tịnh thuần/ Mái trần che màu trắng/ Chỉ có một bánh xe/ Cổ xe liên tục chạy/ Hãy xem vị đang đến/ Không vì phạm lỗi lầm/ Chặt đứt được dòng nước/ Không còn bị trói buộc), HT. Thích Minh Châu dịch.

lậu, đã tịch diệt, đã liễu tri, đã đoạn tận gốc rễ, giống như chặt đứt cây đa-la thì cây không sanh trưởng trở lại nữa, vị ấy thành tựu pháp bất sanh ở đời vị lai.

Vậy nên, này Tôn giả Na-già-đạt-đa! Thế Tôn đã nói kệ này:

Cành xanh, phủ màu trắng, Cỗ xe một trục xoay,
Lìa kiết, quán sát đến, Đoạn dòng, không buộc lại.

– Bài kệ này Thế Tôn nói, con đã phân biệt rõ.

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

– Nghĩa này ông đã nghe từ trước rồi ư?

– Thưa, con chưa được nghe!

Tôn giả Na-già-đạt-đa nói:

– Này trưởng giả! Ông đã được thiện lợi, khéo thể nhập được Phật pháp sâu màu mà bậc Hiền thánh tuệ nhãn đã thể nhập.

Bấy giờ, trưởng giả Chát-đa-la nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

567. RỒNG KHÔNG THƯỜNG TRỤ⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ ở tinh xá trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.

Bấy giờ, có trưởng giả Chát-đa-la đi đến chỗ các Thượng tọa Tỳ-kheo, cúi đầu đánh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa liền vì trưởng giả Chát-đa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.⁵⁵ Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ rồi, các Thượng tọa liền an trú trong tĩnh lặng. Khi ấy, trưởng giả Chát-đa-la liền đi đến phòng của Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Na-già-đạt-đa nói với trưởng giả Chát-đa-la:

– Có Vô lượng tâm tam-muội,⁵⁶ Vô tướng tâm tam-muội,⁵⁷ Vô sở hữu tâm tam-muội,⁵⁸ Không tâm tam-muội.⁵⁹ Thế nào, trưởng giả, những pháp này vì có nhiều nghĩa nên có nhiều tên gọi, hay là đồng một nghĩa mà có nhiều tên gọi?

⁵⁴ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.567. 0149c06). Tham chiếu: S. 41.7 - IV. 295.

⁵⁵ Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (示, 教, 照, 喜). Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.92. 0023c18).

⁵⁶ Vô lượng tâm tam-muội (無量心三昧), P. *Appamāṇa cetovimutti*: Vô lượng tâm giải thoát.

⁵⁷ Vô tướng tâm tam-muội (無相心三昧), P. *Animittā cetovimutti*: Vô tướng tâm giải thoát.

⁵⁸ Vô sở hữu tâm tam-muội (無所有心三昧), P. *Ākiñcañña cetovimutti*: Vô sở hữu tâm giải thoát.

⁵⁹ Không tâm tam-muội (空心三昧), P. *Suññatā cetovimutti*: Tâm rỗng không giải thoát.

Trưởng giả Chát-đa-la hỏi Tôn giả Na-già-đạt-đa:

– Các tam-muội này là do Thế Tôn nói hay Tôn giả tự ý nói?

Tôn giả Na-già-đạt-đa đáp:

– Đây là do Thế Tôn nói.

Trưởng giả Chát-đa-la thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa:

– Xin cho con được suy nghĩ một lát về nghĩa này rồi sẽ trả lời!

Suy nghĩ một lúc xong, trưởng giả nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:

– Có pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều chữ;⁶⁰ cũng có pháp chỉ một nghĩa mà nhiều chữ.

Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả:

– Thế nào là có pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều chữ?

Trưởng giả đáp:

– Vô lượng tâm tam-muội, nghĩa là tâm của vị Thánh đệ tử tương ưng với từ, không oán, không ghét, không hận; luôn khoan dung độ lượng, tu tập vô lượng, rộng khắp, bao trùm một phương. Cũng như vậy, trùm khắp hai phương, ba phương, bốn phương, phương trên, phương dưới, khắp cả thế gian, tâm của vị Thánh đệ tử tương ưng với từ, không oán, không ghét, không hận; luôn khoan dung độ lượng, tu tập vô lượng, rộng khắp, bao trùm các phương, duyên khắp thế gian mà an trú. Đó gọi là Vô lượng tâm tam-muội.

Thế nào gọi là Vô tướng tâm tam-muội? Nghĩa là vị Thánh đệ tử không niệm tướng đối với tất cả tướng, tự thân tác chứng Vô tướng tâm tam-muội. Đó gọi là Vô tướng tâm tam-muội.

Thế nào gọi là Vô sở hữu tâm tam-muội? Nghĩa là vị Thánh đệ tử vượt qua hết thảy Thức vô biên xứ,⁶¹ thể nhập Vô sở hữu, chứng và an trú tâm Vô sở hữu. Đó gọi là Vô sở hữu tâm tam-muội.

Thế nào gọi là Không tâm tam-muội? Nghĩa là với vị Thánh đệ tử thì thế gian là trống không; quán sát đúng như thật sự trống không của thế gian là thường trụ, không thay đổi, không có gì là ta, không có gì là của ta. Đó gọi là Không tâm tam-muội.⁶²

Đây gọi là pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều chữ.

⁶⁰ Nguyên tác: Vị (味, *byañjana*), có nghĩa là mùi vị và cũng có nghĩa là một phụ âm, là ngôn từ, chữ nghĩa.

⁶¹ Nguyên tác: Vô lượng thức nhập xứ (無量識入處).

⁶² Xem thêm M. 43, *Mahāvedalla Sutta* (Đại kinh phương quảng): *Katamā cāvuso, suññatā cetovimutti? “Idhāvuso, bhikkhu araṇṇagato vā rukkhamūlagato vā suññāgāragato vā iti paṭisañcikkhati - ‘suññamidam attena vā attaniyena vā’i. Ayam vuccatāvuso, suññatā cetovimutti.”* (“Và này Hiền giả, thế nào là Không tâm giải thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống và suy nghĩ như sau: ‘Đây trống không, không có tự ngã hay không có ngã sở.’ Như vậy, này Hiền giả, gọi là Không tâm giải thoát.” HT. Thích Minh Châu dịch).

Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả:

– Thế nào gọi là pháp chỉ có một nghĩa nhưng có nhiều chữ?

Đáp:

– Thừa Tôn giả! Tham là có hạn lượng, nhưng không tranh⁶³ là bậc nhất vô lượng. Bởi vì tham là có tướng, sân và si là có tướng, nhưng không tranh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân hận là sở hữu, nhưng không tranh là vô sở hữu.

Lại nữa, không tranh nghĩa là rỗng không, rỗng không đối với tham, rỗng không đối với sân và si. Sự rỗng không đó là thường trụ, không thay đổi, không có gì là ta, không có gì là của ta. Đây gọi là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều chữ.

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi:

– Thế nào, trưởng giả, nghĩa này ông đã được nghe từ trước rồi ư?

Đáp:

– Thừa Tôn giả, con chưa từng được nghe!

Tôn giả Na-già-đạt-đa lại nói với trưởng giả:

– Ông đã được lợi ích lớn, khéo thể nhập được pháp Phật sâu màu mà bậc Hiền thánh tuệ nhãn đã thể nhập.

Trưởng giả Chát-đa-la nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi rời đi.

568. TỖ-KHEO GIÀ-MA⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.

Bấy giờ, trưởng giả Chát-đa-la đi đến và đánh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đến đánh lễ Tỳ-kheo Già-ma, sau đó ngồi sang một bên và thưa với Tỳ-kheo Già-ma:

– Nói đến hành, thế nào gọi là hành?

Tỳ-kheo Già-ma đáp:

– Hành có ba loại, đó là thân hành, khẩu hành và ý hành.

Lại hỏi:

– Thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành và thế nào là ý hành?

⁶³ Nguyên tác: Vô tranh (無諍), được dịch từ *araṇa*; *raṇa* là tranh luận, chiến đấu; tuy nhiên, *araṇa* còn mang nghĩa là vắng lặng, tịch tĩnh, dùng như chữ *akuppa* nghĩa là không dao động. Xem S. 41.7 - IV. 295 ghi: *Akuppā cetovimutti* (Bất động tâm giải thoát), HT. Thích Minh Châu dịch.

⁶⁴ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.568. 0150a17). Tham chiếu: M. 44, *Cūḷavedalla Sutta* (Tiểu kinh phương quảng); S. 41.6 - IV. 293.

Đáp:

– Đây trưởng giả! Hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác có quán⁶⁵ gọi là khẩu hành; tưởng và tư⁶⁶ gọi là ý hành.

Lại hỏi:

– Vì sao hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác có quán gọi là khẩu hành; tưởng và tư gọi là ý hành?

Đáp:

– Đây trưởng giả! Hơi thở ra vào là pháp của thân, nương nơi thân, lệ thuộc vào thân, nương nơi thân mà vận hành. Vậy nên hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì có giác có quán cho nên miệng mới nói năng. Cho nên có giác có quán gọi là khẩu hành. Tưởng và tư là ý hành, vì nương vào tâm, lệ thuộc vào tâm, nương vào tâm mà vận hành. Vậy nên tưởng và tư là ý hành.

Trưởng giả lại nói:

– Thưa Tôn giả! Do giác và quán rồi mới phát ra miệng nói, vậy nên giác và quán thuộc về khẩu hành. Tưởng và tư là pháp của tâm, nương vào tâm, lệ thuộc nơi tâm mà vận hành, vậy nên tưởng và tư gọi là ý hành.

Trưởng giả lại dùng kệ để hỏi:

– Thưa Tôn giả! Có bao nhiêu pháp:

Con người lúc lìa đời,
Ném vào bãi tha ma,

Thân xác nằm trên đất,
Vô tâm như gỗ đá?

Tôn giả đáp:

Hơi ấm, thọ và thức,
Thân ở bãi tha ma,

Lúc lìa đời đều bỏ,
Vô tri như gỗ đá.

Trưởng giả lại hỏi:

– Thưa Tôn giả! Người chết và người nhập định Diệt tận⁶⁷ có khác nhau chăng?

Đáp:

– Lìa bỏ thọ và hơi ấm, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Còn người nhập định Diệt tận thì tuy thân, khẩu, ý hành đã diệt, nhưng chưa xả bỏ mạng sống, chưa dứt hơi ấm, các căn không hoại, thân và mạng còn gắn kết với nhau. Đây là tướng sai biệt giữa người chết và người nhập định Diệt tận.

Trưởng giả lại hỏi:

– Thưa Tôn giả! Thế nào là nhập định Diệt tận?

Đáp:

– Đây trưởng giả! Người nhập định Diệt tận thì không nói: “Ta nhập định Diệt tận, ta sẽ nhập định Diệt tận.” Nhưng trước tiên là dùng phương tiện

⁶⁵ Nguyên tác: Hữu giác hữu quán (有覺有觀, *vitakkavicārā*).

⁶⁶ Tưởng tư (想思, *saññā ca vedanā*).

⁶⁷ Nguyên tác: Diệt chánh thọ (滅正受).

dừng dứt lần lần như thế, rồi nương theo phương tiện trước để hướng vào định Diệt tận.

Lại hỏi:

– Lúc nhập định Diệt tận, pháp gì diệt trước tiên? Là thân hành, khẩu hành hay là ý hành?

– Nay trưởng giả! Người nhập định Diệt tận, trước tiên là khẩu hành diệt, kế đến là thân hành diệt, sau cùng là ý hành.

Trưởng giả lại hỏi:

– Thưa Tôn giả! Thế nào là xuất định Diệt tận?

Tôn giả đáp:

– Nay trưởng giả! Người xuất định Diệt tận cũng không suy nghĩ và nói rằng: “Ta nay xuất định Diệt tận, ta sẽ xuất định Diệt tận.” Tuy nhiên từ trước vị ấy đã khởi tâm phương tiện, rồi nương theo tâm đã khởi trước đó để xuất định.

Lại hỏi:

– Khi xuất định Diệt tận thì pháp nào xuất trước? Là thân hành, khẩu hành hay là ý hành?

Đáp:

– Nay trưởng giả! Khi xuất định Diệt tận thì ý hành xuất trước, kế đến là thân hành, sau cùng là khẩu hành.

Lại hỏi:

– Thưa Tôn giả! Sự nhập định Diệt tận hướng theo cái gì? Xuôi theo cái gì? Chảy sâu vào cái gì?⁶⁸

Đáp:

– Nay trưởng giả! Sự nhập định Diệt tận là thuận hướng đến viễn ly, chảy xuôi về viễn ly, chảy sâu vào viễn ly; thuận hướng đến xuất ly, chảy xuôi về xuất ly, chảy sâu vào xuất ly; thuận hướng đến Niết-bàn, chảy xuôi về Niết-bàn, chảy sâu vào Niết-bàn.

Trưởng giả lại hỏi:

– Thưa Tôn giả! Lúc trụ trong định Diệt tận thì có bao nhiêu xúc?

Tôn giả đáp:

– Nay trưởng giả! Có xúc bất động, xúc vô tướng và xúc vô sở hữu.

Trưởng giả lại hỏi:

– Thưa Tôn giả! Lúc nhập định Diệt tận thì thực hành bao nhiêu pháp?

Tôn giả đáp:

⁶⁸ Thuận thú, lưu chú, tuần thâm (順趣, 流注, 浚輸). P. *Kimninnam cittam hoti, kimponam kimpabbhāraṇ'ī*. (Tâm hướng đến cái gì, nghiêng về cái gì, xuôi theo cái gì?).

– Này trưởng giả! Điều này nên hỏi từ trước, sao đến bây giờ mới hỏi? Nhưng tôi sẽ nói cho ông rõ. Tỳ-kheo nhập định Diệt tận thì thực hành hai pháp, đó là pháp chỉ và pháp quán.

Trưởng giả Chát-đa-la nghe Tôn giả Già-ma nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi rời đi.

569. TỖ-KHEO LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (1)⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.

Bấy giờ, trưởng giả Chát-đa-la đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên.

Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa liền vì trưởng giả Chát-đa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.⁷⁰ Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ rồi, các Thượng tọa liền an trú trong tĩnh lặng.

Trưởng giả Chát-đa-la liền rời khỏi chỗ ngồi, sửa lại y phục rồi quỳ gối chấp tay thưa các Thượng tọa:

– Con kính xin quý ngài thọ nhận bữa cơm đạm bạc do con cúng dường!

Khi ấy, các Thượng tọa im lặng nhận lời. Trưởng giả nhận thấy các vị Thượng tọa đã im lặng nhận lời rồi, liền đánh lễ rồi rời đi. Trở về đến nhà, trưởng giả cho người bày biện sẵn nhiều món ăn thức uống và trải tòa ngồi, rồi sáng sớm hôm sau sai người đến mời.

Lúc ấy, các Thượng tọa đáp y, ôm bát đến nhà trưởng giả và ngồi vào vị trí của mình. Trưởng giả cúi đầu lạy sát chân các Thượng tọa rồi ngồi sang một bên và bạch:

– Nói đến các loại giới, vậy các loại giới là những gì?

Bấy giờ, các Thượng tọa im lặng. Trưởng giả ba lần thưa như vậy.

Lúc ấy, Tôn giả Lê-tê-đạt-đa⁷¹ thuộc Tỳ-kheo hạ tọa trong đại chúng, liền thưa với các Tỳ-kheo Thượng tọa:

– Thưa các Tôn giả! Con muốn trả lời câu hỏi của trưởng giả ấy.

Các Thượng tọa đáp:

– Được lắm!

⁶⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.569. 0150c08). Tham chiếu: S. 41.2 - IV. 283.

⁷⁰ Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (示, 教, 照, 喜). Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.92. 0023c18).

⁷¹ Lê-tê-đạt-đa (梨犀達多, Isidatta).

Trưởng giả Chấṭ-ḍa-la liền hỏi:

– Thưa Tôn giả! Nói đến các loại giới, vậy các loại giới là những gì?

Lê-tê-ḍaṭ-ḍa đáp:

– Nay trưởng giả! Có nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới riêng biệt; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới riêng biệt; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới riêng biệt; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới riêng biệt; thân giới, xúc giới, thân thức giới riêng biệt; ý giới, pháp giới, ý thức giới riêng biệt. Như vậy, này trưởng giả, đó gọi là các loại giới.

Bấy giờ, trưởng giả Chấṭ-ḍa-la dâng lên nhiều món ăn thượng hạng, thanh khiết cúng dường chúng Tăng.

Khi chúng Tăng thọ thực, súc miệng, thu dọn y bát xong, trưởng giả Chấṭ-ḍa-la liền trải tòa ngồi ở một nơi thấp phía trước các Thượng tọa để nghe pháp.

Bấy giờ, các Thượng tọa liền thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ rồi các Thượng tọa rời đi.

Trên đường thọ trai trở về, các Thượng tọa nói với Lê-tê-ḍaṭ-ḍa:

– Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Lê-tê-ḍaṭ-ḍa! Thầy thật nhạy bén, ứng đáp rất đúng lúc. Như đối với trưởng hợp khác, thầy cũng nên ứng đáp như thế.

Các Thượng tọa nghe Lê-tê-ḍaṭ-ḍa nói xong đều hoan hỷ phụng hành.

570. TỖ-KHEO LÊ-TÊ-ḌAṬ-ḌA (2)⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với số đông Thượng tọa Tỳ-kheo ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.

Bấy giờ, trưởng giả Chấṭ-ḍa-la đi đến chỗ các Thượng tọa, đánh lễ sát chân rồi lui ngồi một bên và thưa với các Thượng tọa:

– Những luận thuyết ở thế gian cho rằng có ngã, có chúng sanh, có thọ mạng, có việc tốt xấu ở đời. Thưa Tôn giả! Những luận thuyết sai biệt này là do cái gì làm cội gốc, cái gì khiến tích tụ, cái gì làm sanh khởi, cái gì khiến lưu chuyển?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa im lặng không đáp. Trưởng giả hỏi ba lần như thế, các Thượng tọa vẫn im lặng.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo hạ tọa là Lê-tê-ḍaṭ-ḍa thưa với các Thượng tọa:

– Thưa các Thượng tọa! Con muốn trả lời câu hỏi của trưởng giả kia.

Các Thượng tọa bảo:

– Có thể trả lời được thì hãy trả lời!

⁷² Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Táp. 雜 (T.02. 0099.570. 0151a09). Tham chiếu: S. 41.3 - IV. 285.

Trưởng giả liền hỏi Tôn giả Lê-tê-đạt-đa:

– Những luận thuyết ở thế gian do cái gì làm cội gốc, cái gì khiến tích tụ, cái gì làm sanh khởi, cái gì khiến lưu chuyển?

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:

– Nay trưởng giả! Những luận thuyết ở thế gian cho rằng có ngã, có chúng sanh, có thọ mạng, có việc tốt xấu ở đời. Tất cả những luận thuyết ấy đều do thân kiến⁷³ làm gốc, do thân kiến mà tích tụ, do thân kiến mà sanh khởi, do thân kiến mà lưu chuyển.

Trưởng giả lại hỏi:

– Thế nào là thân kiến?

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:

– Nay trưởng giả! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thấy sắc là ngã, hoặc thấy sắc khác ngã, thấy sắc ở trong ngã, thấy ngã ở trong sắc; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thấy thức khác với ngã, thấy ngã ở trong thức, thấy thức ở trong ngã. Nay trưởng giả! Đó gọi là thân kiến.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

– Làm thế nào để đạt đến không còn thân kiến này?

Tôn giả đáp:

– Nay trưởng giả! Vị Thánh đệ tử đã văn không thấy sắc là ngã, cũng không thấy sắc khác ngã, không thấy sắc trong ngã, cũng không thấy ngã trong sắc; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, không thấy thức khác với ngã, không thấy thức ở trong ngã cũng không thấy ngã có ở trong thức. Đó gọi là đạt được không còn thân kiến.

Trưởng giả lại hỏi:

– Thưa Tôn giả! Phụ thân của Tôn giả tên gì? Tôn giả được sanh ra ở đâu?

– Nơi tôi sanh ra thuộc vùng đất phía sau nhà trưởng giả.

Trưởng giả Chất-đa-la nói với Tôn giả Lê-tê-đạt-đa:

– Vậy con và hai cụ thân sanh của Tôn giả vốn là chỗ quen biết.

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:

– Đúng như thế, thưa trưởng giả!

Trưởng giả Chất-đa-la nói với Tỳ-kheo Lê-tê-đạt-đa:

– Nếu Tôn giả có thể ở trong rừng Am-la này thì con nguyện suốt đời cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men trị bệnh.

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa im lặng nhận lời.

⁷³ Thân kiến (身見, *sakkāyadiṭṭhi*): Chấp có thật ngã.

Vì Tôn giả Lê-tê-đạt-đa nhận lời thỉnh cầu cúng dường của trưởng giả Chấ-đa-la nên có sự trở ngại, ít khi đến chỗ Thế Tôn.

Bây giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chấ-đa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ⁷⁴ rồi, trưởng giả Chấ-đa-la hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi rời đi.

571. THẦN BIẾN CỦA MA-HA-CA⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.

Bây giờ, trưởng giả Chấ-đa-la đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên và thưa với các Thượng tọa:

– Kính thỉnh quý Thượng tọa nhận lời cúng dường trai phạn của con tại thôn Ngưu Mục!

Khi ấy, các Thượng tọa im lặng nhận lời.

Trưởng giả Chấ-đa-la nhận thấy các Thượng tọa đã im lặng nhận lời, liền vội trở về nhà. Suốt đêm hôm đó, gia đình trưởng giả chuẩn bị đầy đủ các món ăn thức uống, đến sáng sớm thì xếp đặt chỗ ngồi, rồi sai người đến bạch với các Thượng tọa biết đã đến giờ.

Các Thượng tọa đáp y, ôm bát đến nhà trưởng giả Chấ-đa-la trong thôn Ngưu Mục rồi ngồi vào chỗ đã soạn sẵn. Lúc này, trưởng giả Chấ-đa-la tự tay dâng cúng các thức ăn, uống. Sau khi các vị Thượng tọa thọ trai, súc miệng, rửa bát xong, trưởng giả Chấ-đa-la liền dọn một chỗ ngồi thấp phía trước các Thượng tọa để nghe pháp.

Khi ấy, các Thượng tọa vì trưởng giả mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ.⁷⁶ Sau đó, các Thượng tọa đứng dậy rời đi, trưởng giả Chấ-đa-la cũng đi theo sau. Các Thượng tọa vì đã dùng đồ, lạc và mật ong khá no, lại gặp lúc cuối mùa xuân, tiết trời nóng bức nên đi đường cảm thấy rất khó chịu.

Bây giờ, có Tỳ-kheo trẻ tuổi tên là Ma-ha-ca⁷⁷ thưa với các Thượng tọa:

– Hôm nay, trời quá oi bức, con muốn làm cho trời tuôn mưa và gió mát có được không?

Các Thượng tọa đáp:

– Thầy có thể làm như vậy thì tốt lắm!

⁷⁴ Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (示, 教, 照, 喜). Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.92. 0023c18).

⁷⁵ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.571. 0151b12). Tham chiếu: S. 41.4 - IV. 288.

⁷⁶ Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (示, 教, 照, 喜). Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105.

⁷⁷ Ma-ha-ca (摩訶迦, Mahaka).

Khi ấy, Tỳ-kheo Ma-ha-ca liền nhập tam-muội, bằng chánh định như vậy, tức thì trời giăng mây, tuôn mưa nhẹ và gió mát từ bốn phương thổi đến. Khi Tạng đoàn đã về đến cửa tinh xá, Tôn giả Ma-ha-ca liền hỏi các Thượng tọa:

– Thưa, con có thể dùng mưa được chưa?

Các Thượng tọa đáp:

– Dùng được rồi!

Lúc ấy, Tỳ-kheo Ma-ha-ca liền thu nhiếp thần thông rồi trở về phòng riêng. Bấy giờ, trưởng giả Chát-đa-la suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo nhỏ nhất mà lại có sức thần thông lớn như vậy, huống gì là các bậc trung tọa và Thượng tọa.” Nghĩ xong, trưởng giả liền đánh lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi theo Tỳ-kheo Ma-ha-ca đến phòng của Tỳ-kheo này, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, sau đó thưa:

– Thưa Tôn giả, con muốn thấy Tôn giả biến hiện thần túc siêu việt.

Tôn giả Ma-ha-ca nói:

– Trưởng giả không nên xem, sẽ sợ hãi!

Trưởng giả ba lần thỉnh cầu và Tôn giả Ma-ha-ca đều ba lần từ chối.

Trưởng giả lại tiếp tục cầu thỉnh muốn được nhìn thấy Tôn giả hiện thần thông biến hóa. Tôn giả Ma-ha-ca liền bảo trưởng giả:

– Ông hãy ra ngoài lấy cỏ khô và củi gom lại thành đống, rồi lấy một tấm vải phủ lên trên.

Trưởng giả Chát-đa-la y theo lời dạy của Tôn giả, ra ngoài gom củi thành đống rồi đến thưa với Tôn giả:

– Đống củi đã có và con đã dùng vải phủ lên!

Khi ấy, Tôn giả Ma-ha-ca liền nhập tam-muội Hỏa quang, từ khe cửa liền phóng ra ngọn lửa, đốt cháy trụi đống củi, riêng tấm vải vẫn còn nguyên. Tôn giả nói với trưởng giả:

– Ông đã thấy rồi phải không?

Đáp:

– Thưa Tôn giả, con đã thấy! Thật là kỳ đặc!

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả:

– Ông nên biết, thần lực này đều nhờ vào sự tu tập không buông lung làm nền tảng, từ không buông lung mà tích tụ, từ không buông lung mà sanh khởi, từ không buông lung mà lưu chuyển. Nhờ không buông lung mà thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nên, này trưởng giả! Điều này cùng với những công đức khác thảy đều nhờ vào tu tập không buông lung làm gốc, từ không buông lung tích tụ, từ không buông lung mà sanh khởi, từ không buông lung mà lưu chuyển. Nhờ

không buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến thành tựu các đạo phẩm.

Trưởng giả Chất-đa-la thưa với Tôn giả Ma-ha-ca:

– Kính thỉnh Tôn giả trụ lại trong rừng này, con nguyện trọn đời cúng dường y phục, thức ăn và thuốc thang trị bệnh.

Tôn giả Ma-ha-ca vì có duyên sự phải rời đi nên không nhận lời trưởng giả.

Trưởng giả Chất-đa-la nghe pháp xong hoan hỷ và tùy hỷ, đứng lên đánh lễ rồi rời đi.

Tôn giả Ma-ha-ca vì không muốn bị lợi dưỡng làm chướng ngại nên đã đứng dậy rời đi và không quay trở lại.

572. THAM DỤC⁷⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa nhóm họp ở nhà ăn rồi cùng nhau bàn luận:

– Chư Tôn! Các vị nghĩ thế nào? Mắt trói buộc sắc hay là sắc trói buộc mắt? Cũng như vậy, tai trói buộc âm thanh hay âm thanh trói buộc tai, mũi trói buộc mùi hương hay mùi hương trói buộc mũi, lưỡi trói buộc vị hay vị trói buộc lưỡi, thân trói buộc xúc hay xúc trói buộc thân, ý trói buộc pháp hay là pháp trói buộc ý?

Khi ấy, trưởng giả Chất-đa-la có việc đi ngang qua tinh xá, trông thấy các Tỳ-kheo Thượng tọa nhóm họp ở nhà ăn, liền đến trước đánh lễ sát chân các bậc Thượng tọa và thưa hỏi:

– Quý Tôn giả nhóm họp ở nhà ăn để luận bàn về điều gì?

Các Thượng tọa đáp:

– Nay trưởng giả! Chúng tôi hôm nay nhóm họp ở nhà ăn này cùng bàn luận với nhau về vấn đề: “Là mắt trói buộc sắc hay là sắc trói buộc mắt? Cũng như vậy, tai trói buộc âm thanh hay âm thanh trói buộc tai, mũi trói buộc mùi hương hay mùi hương trói buộc mũi, lưỡi trói buộc vị hay vị trói buộc lưỡi, thân trói buộc xúc hay xúc trói buộc thân, ý trói buộc pháp hay là pháp trói buộc ý?”

Trưởng giả hỏi:

– Thưa quý Tôn giả! Quý Tôn giả nói về nghĩa này như thế nào?

Chư Thượng tọa nói:

– Ý của trưởng giả thế nào?

⁷⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.572. 0151c29). Tham chiếu: S. 41.1 - IV. 281.

Trưởng giả thưa:

– Theo ý con thì không phải mắt trời buộc sắc, cũng không phải sắc trời buộc mắt,... (*cho đến*) không phải ý trời buộc pháp, cũng không phải pháp trời buộc ý. Tuy nhiên, ở giữa chúng có tham dục đi theo trời buộc. Ví như hai con trâu, một con đen và một con trắng cùng mang chung cái ách. Có người hỏi rằng: “Trâu đen trời buộc trâu trắng hay là trâu trắng trời buộc trâu đen?” Có nên hỏi như thế không?

Chư Thượng tọa đáp:

– Này trưởng giả! Chẳng nên hỏi như vậy. Vì sao như vậy? Vì không phải trâu đen trời buộc trâu trắng, cũng chẳng phải trâu trắng trời buộc trâu đen mà cái ách kia là vật trời buộc chúng.

– Thưa quý Tôn giả! Cũng như vậy, không phải mắt trời buộc sắc, cũng không phải sắc trời buộc mắt,... (*cho đến*) không phải ý trời buộc pháp, cũng không phải pháp trời buộc ý, nhưng ở giữa chúng có tham dục trời buộc.

Bấy giờ, trưởng giả Chấ-đa-la nghe các Tỳ-kheo Thượng tọa nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi rời đi.

573. NGOẠI ĐẠO LŨA HÌNH⁷⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại rừng Am-la.

Bấy giờ, có ngoại đạo A-kỳ-tỳ⁸⁰ vốn là bạn thâm giao của cha trưởng giả⁸¹ Chấ-đa-la, đi đến chỗ Chấ-đa-la, cùng nhau ân cần thăm hỏi rồi đứng qua một bên.

Trưởng giả Chấ-đa-la liền hỏi ngoại đạo A-kỳ-tỳ:

– Nhân giả xuất gia được bao lâu rồi?

Đáp:

– Thưa trưởng giả! Tôi xuất gia đến nay đã hơn hai mươi năm.

Trưởng giả Chấ-đa-la lại hỏi:

– Nhân giả xuất gia đã hơn hai mươi năm, vậy có đạt được pháp thượng nhân,⁸² có sự thấy biết rốt ráo⁸³ và sống an lạc không?

⁷⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.573. 0152a23). Tham chiếu: S. 41.9 - IV. 300.

⁸⁰ A-kỳ-tỳ (阿耆毘, Acela): Lũu hình ngoại đạo.

⁸¹ Nguyên tác: Trưởng giả tiên nhân (長者先人): Thân phụ của trưởng giả. S. 41.9 - IV. 300: *Purāṇagihisahāyo* (bạn cũ của gia chủ).

⁸² Nguyên tác: Quá nhân pháp (過人法): Pháp của bậc thượng nhân.

⁸³ Nguyên tác: Cứu cánh tri kiến (究竟知見): Lãnh ngộ chân lý.

A-kỳ-tỳ đáp:

– Nay trưởng giả! Tuy tôi xuất gia đã hơn hai mươi năm, nhưng vẫn chưa được pháp thượng nhân, chưa đạt được thấy biết rốt ráo và sống cũng không an lạc. Tôi chỉ thực hành pháp lửa hình, nhổ tóc, du hành, khát thực trong nhân gian và nằm trên tro đất.

Trưởng giả Chấ-đa-la bảo:

– Việc này không đúng với Giáo pháp và Giới luật, đây là nhận biết sai lệch, chẳng phải là đạo giải thoát, không đưa đến giác ngộ, không phải là việc đáng khen, không đáng để nương tựa. Thật là uổng phí vì mang danh xuất gia đã hơn hai mươi năm nhưng ông chỉ biết hành pháp lửa hình, nhổ tóc, du hành, khát thực trong nhân gian và nằm trên tro đất.

Ngoại đạo A-kỳ-tỳ hỏi trưởng giả Chấ-đa-la:

– Ông làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm được bao lâu rồi?

Trưởng giả Chấ-đa-la đáp:

– Tôi làm đệ tử của Thế Tôn đã hơn hai mươi năm.

Lại hỏi trưởng giả Chấ-đa-la:

– Ông làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã hơn hai mươi năm, vậy đã được pháp thượng nhân và đạt được thấy biết rốt ráo chưa?

Trưởng giả Chấ-đa-la đáp:

– Ông nên biết! Trưởng giả Chấ-đa-la tôi đây sẽ không còn bị thọ sanh vào bào thai nữa, sẽ không còn chết đi, lại cũng không còn sanh ra từ khí huyết. Giống như lời Thế Tôn nói: “Đối với năm hạ phần kiết sử, Như Lai không còn thấy một kiết sử nào chưa đoạn. Nếu còn một kiết sử nào chưa đoạn sẽ còn sanh lại cõi đời này.”

Trong lúc trưởng giả nói như thế, A-kỳ-tỳ càng buồn bã rơi lệ, vén y lau nước mắt và nói với trưởng giả Chấ-đa-la:

– Tôi nên làm gì bây giờ?

Trưởng giả Chấ-đa-la nói:

– Nếu ông có thể xuất gia theo đúng Chánh pháp, tôi sẽ cung cấp y bát và các vật dụng cần thiết.

Ngoại đạo A-kỳ-tỳ suy nghĩ một lúc rồi nói với trưởng giả Chấ-đa-la:

– Nay tôi xin tùy hỷ, ông hãy chỉ cho tôi những việc cần làm!

Khi ấy, trưởng giả Chấ-đa-la liền đưa A-kỳ-tỳ đến chỗ các Thượng tọa, đánh lễ sát chân các Thượng tọa rồi ngồi qua một bên và thưa:

– Thưa quý Thượng tọa! A-kỳ-tỳ này vốn là bạn thân giao của cha con, nay xin được xuất gia làm Tỳ-kheo, mong quý Thượng tọa độ cho xuất gia. Con sẽ cung cấp y bát và các vật dụng cần thiết.

Các Thượng tọa liền cho A-kỳ-tỳ xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa. Sau khi xuất gia rồi, A-kỳ-tỳ tự mình tư duy về mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, xuất gia tinh tấn học đạo, tịnh tu Phạm hạnh... rồi chứng quả A-la-hán.

574. NI-KIỀN NHÃ-ĐỀ TỬ⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.

Bấy giờ, có Ni-kiền Nhã-đề tử⁸⁵ cùng với năm trăm quyến thuộc đi đến rừng Am-la và muốn dụ dỗ trưởng giả Chát-đa-la làm đệ tử.

Trưởng giả Chát-đa-la sau khi nghe tin Ni-kiền Nhã-đề tử cùng với năm trăm quyến thuộc đến rừng Am-la và muốn dụ dỗ mình làm đệ tử, ông liền đi đến chỗ Ni-kiền Nhã-đề tử, cùng chào hỏi nhau xong rồi mỗi người ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Ni-kiền Nhã-đề tử nói với trưởng giả Chát-đa-la:

– Ông có tin Sa-môn Cù-đàm đã được tam-muội Vô giác vô quán⁸⁶ không?

Trưởng giả Chát-đa-la đáp:

– Tôi không vì niềm tin mà đến đây.

Ni-kiền Nhã-đề tử nói:

– Này trưởng giả! Ông không quanh co, không dối trá, thành thật, bản tánh ngay thẳng. Này trưởng giả! Nếu người có thể dứt trừ được trạng thái tâm có giác có quán⁸⁷ thì người ấy có thể dùng dây để buộc được gió; nếu dứt được có giác có quán thì người ấy cũng có thể dùng một nắm đất để ngăn dòng nước sông Hằng. Ta đối với việc đi, đứng, nằm, ngồi thường sanh trí hiểu biết.

Trưởng giả Chát-đa-la hỏi Ni-kiền Nhã-đề tử:

– Tín đặt ở trước hay trí ở trước? Tín và trí cái nào đặt trước, cái nào thù thắng hơn?

Ni-kiền Nhã-đề tử đáp:

– Tín phải ở trước, sau đó là có trí. Tín so với trí thì trí thù thắng hơn.

Trưởng giả Chát-đa-la nói với Ni-kiền Nhã-đề tử:

– Tôi đã vượt khỏi trạng thái có giác có quán, được trụ trong nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, an trụ đầy đủ Thiền thứ

⁸⁴ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.574. 0152b28). Tham chiếu: S. 41.8 - IV. 297.

⁸⁵ Ni-kiền Nhã-đề tử (尼犍若提子, Nigantha Nātaputta).

⁸⁶ Vô giác vô quán tam-muội (無覺無觀三昧): Định không tầm và không tứ, từ Nhị thiên trở lên.

⁸⁷ Nguyên tác: Hữu giác hữu quán (有覺有觀). Định ở giai đoạn còn tầm và tứ.

hai. Ban ngày tôi cũng trụ trong tam-muội này, ban đêm tôi cũng trụ trong tam-muội này. Có trí như vậy thì cần gì tin Thế Tôn?

Ni-kiền Nhã-đề tử nói:

– Ông quanh co, dối trá, không ngay thẳng, bản tánh không ngay thẳng.

Trưởng giả Chát-đa-la nói:

– Lúc nãy ông đã nói là tôi không quanh co, không dối trá, ngay thẳng, bản tánh ngay thẳng, sao bây giờ lại nói là tôi quanh co, dối trá, không ngay thẳng, bản tánh không ngay thẳng? Nếu như lời trước của ông là thật thì lời sau là dối trá, còn nếu lời sau là thật thì lời trước là dối trá! Trước ông đã tự mình cho rằng: “Tôi dối với việc đi, đứng, nằm, ngồi thường sanh trí hiểu biết.” Đối với vấn đề trước và sau, việc nhỏ như vậy mà ông còn chẳng rõ thì làm sao biết được pháp thượng nhân, làm sao có được thấy biết và sống trong an lạc?

Trưởng giả lại hỏi Ni-kiền Nhã-đề tử:

– Có người có khả năng đáp được tất cả những vấn đề người khác hỏi. Ông có khả năng này không? Nếu ông không có khả năng đáp được tất cả những vấn đề người khác hỏi thì làm sao có thể dụ dỗ được tôi mà lại đến rừng Am-la này để dụ dỗ tôi?

Ngay lúc ấy, Ni-kiền Nhã-đề tử uất nghẹn, lắc đầu, xá chào mà đi, không dám quay nhìn lại.

575. GIÁO HÓA KHI BỆNH⁸⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng với số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.

Bấy giờ, trưởng giả Chát-đa-la bị bệnh nặng, các thân quyến vây quanh, lại có nhiều chư thiên đến bên trưởng giả Chát-đa-la rồi nói với trưởng giả:

– Này trưởng giả! Ông hãy phát nguyện đời sau được làm Chuyển Luân Vương.

Trưởng giả Chát-đa-la nói với chư thiên:

– Cho dù được làm Chuyển Luân Vương thì vẫn bị chi phối bởi vô thường, khổ, không và vô ngã.

Bấy giờ, các thân quyến liền nói với trưởng giả:

– Ông hãy buộc niệm, ông hãy buộc niệm!

Trưởng giả Chát-đa-la hỏi các thân quyến:

– Vì sao mọi người bảo tôi phải buộc niệm?

Những người quyến thuộc đáp:

⁸⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.575. 0153a03). Tham chiếu: S. 41.10 - IV. 302.

– Ông có nói rằng: “Vô thường, khổ, không và vô ngã.” Thế nên chúng tôi khuyên ông hãy buộc niệm, buộc niệm.

Trưởng giả nói với các quyền thuộc:

– Vì có chư thiên đến chỗ tôi, nói với tôi: “Ông hãy phát nguyện đời sau được làm Chuyển Luân Vương thì ông sẽ thành tựu đúng theo sở nguyện” nên tôi mới trả lời họ: “Chuyển Luân Vương cũng bị chi phối bởi vô thường, khổ, không và vô ngã.”

Các quyền thuộc hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

– Chuyển Luân Vương có gì mà chư thiên khuyên ông phát nguyện làm?

Trưởng giả đáp:

– Chuyển Luân Vương luôn dùng Chánh pháp để trị vì và giáo hóa dân chúng. Vì chư thiên thấy được phước lợi đó nên mới đến bảo tôi phát nguyện mong cầu.

Các thân quyền hỏi:

– Nay ông dụng tâm như thế nào?

Trưởng giả đáp:

– Nay các thân quyền! Nay tôi tâm nguyện không còn thọ sanh vào bào thai nữa, cũng sẽ không còn chịu sự chết chóc, lại cũng không thọ nhận thân khí huyết. Giống như lời Thế Tôn nói: “Đối với năm hạ phần kiết sử, Như Lai đã dứt sạch, Như Lai tự thấy không còn một kiết sử nào chưa được đoạn trừ. Nếu còn một kiết sử nào chưa đoạn sẽ còn sanh lại cõi đời này.”

Ngay lúc ấy, trưởng giả liền ngồi dậy, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt và nói kệ:

Dùng thứ mình tích chứa,	Vượt qua mọi chướng nạn,
Bố thí gieo ruộng phước,	Vun trồng năm chủng lực. ⁸⁹
Nhờ tu tập nghĩa ấy,	Nên tuy là tục gia
Ta cũng được lợi này,	Vượt thoát các khổ nạn.
Thế gian hiểu, tu tập,	Xa lìa các khổ đau,
Sống vui trong giải thoát,	Vâng theo Đấng Chánh Giác.
Cúng dường người trì giới,	Và người tu Phạm hạnh,
A-la-hán sạch lậu,	Và ẩn sĩ ⁹⁰ Thanh văn.
Nhận biết siêu việt này,	Vượt hơn mọi điều thiện,
Thường hành pháp bố thí,	Sẽ được phước lợi lớn.
Biết cúng dường đại chúng,	Là gieo ruộng phước lành,
Thì đời này mạng chung,	Được sanh về cõi trời.

⁸⁹ Nguyên tác: Ngũ chủng lực (五種力), gồm tín lực (信力), tấn lực (進力), niệm lực (念力), định lực (定力) và tuệ lực (慧力).

⁹⁰ Nguyên tác: Mâu-ni (牟尼, Muni).

Hưởng năm dục đầy đủ,
Được quả tốt đẹp này,
Vậy nên nơi thọ sanh,

Tâm vô cùng an vui,
Nhờ tâm không bỏn xẻn,
Luôn là nơi an lạc.

Trưởng giả Chấṭ-ḍa-la nói kệ này xong liền lâm chung, được sanh về cõi trời Không Nhiệt Nảo.⁹¹

Khi đã sanh lên cõi trời, thiên tử Chấṭ-ḍa-la suy nghĩ: “Ta không nên ở yên nơi này mà nên đến Diêm-phù-đề đánh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa.” Thế rồi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, thiên tử Chấṭ-ḍa-la dùng thân lực hiện đến rừng Am-la, phóng ánh sáng từ thân chiếu soi khắp rừng Am-la.

Khi ấy, có vị Tỳ-kheo đang đem rời phòng ra ngoài kinh hành nơi đất trống, trông thấy có ánh sáng diệu kỳ chiếu khắp rừng cây, liền dùng kệ hỏi:

Sắc trời nào vì diệu,
Giống như núi vàng ròng,

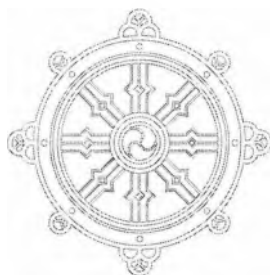
Trụ ở giữa hư không,
Ánh sáng Diêm-phù-đàn?

Thiên tử Chấṭ-ḍa-la nói kệ đáp:

Tôi là vua trời, người,
Trong rừng Am-la này,
Nhờ tịnh giới đầy đủ,
Mà được thân giải thoát,
Tôi đến vì rõ pháp,
Hãy đến Niết-bàn kia,

Vốn đệ tử của Phật,
Tôi là Chấṭ-ḍa-la.
Chánh niệm tu tịch tịnh,
Thân trí tuệ tròn đầy.
Nhân giả cũng nên rõ,
Pháp này vốn như vậy.

Nói kệ xong, thiên tử Chấṭ-ḍa-la liền biến mất.⁹²



⁹¹ Nguyên tác: Bất Phiền Nhiệt thiên (不煩熱天), tức Vô Phiền thiên (無煩天).

⁹² Bản Hán, hết quyển 21.